

Bản án số 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30.9.2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Công Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 58/2022/TB-TA ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Ái P - sinh năm 1991; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Thái B - sinh năm 1986; (Vắng mặt, không có lý do).

Cùng nơi cư trú: Lô 14 B, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21 tháng 7 năm 2022, Bản tự khai ngày 28 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Mai Ái P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Thái B tự nguyện kết hôn vào năm 2014; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Lô 14 B, H, L, Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do không hợp về tính tình và bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về P pháp giáo dục con, ứng xử hằng ngày... có đôi lần xảy ra va chạm bạo lực. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hoà giải, nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, bà xác định bản thân bà đã bị nhiều tác động, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe và tâm lý, hạnh phúc gia đình không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông B.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông B có 02 (Hai) con chung là Hoàng Nhật H - sinh ngày 01 tháng 4 năm 2015 và Hoàng Bảo L - sinh ngày 07 tháng 11 năm 2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng mỗi tháng 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) cho 02 con chung.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông B có tài sản chung, nợ chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà P không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Hoàng Thái B không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông B vắng mặt lần hai, không có lý do.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật, phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, xử cho bà P được ly hôn với ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng. Bà P và ông B tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Hoàng Thái B, nhưng tại phiên tòa ông B vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung: Bà Mai Thị Ái P và ông Hoàng Thái B đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà P và ông B là hợp pháp.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông B, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông B không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà P. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà P và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P trình bày là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông B đã đánh đập bà. Việc ông B không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông B không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà P và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà P đối với ông B, xử cho bà P được ly hôn với ông B.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Hoàng Nhật H - sinh ngày 01 tháng 4 năm 2015 và Hoàng Bảo L - sinh ngày 07 tháng 11 năm 2016.

Xét, ông B đã không thể hiện ý kiến được nuôi con. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà P, xử giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà P không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà P xác định bà và ông B có tài sản chung và nợ chung, nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Mai Thị Ái P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị Ái P đối với ông Hoàng Thái B về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

\* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà P được ly hôn với ông B.

\* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao 02 con chung là Hoàng Nhật H - sinh ngày 01 tháng 4 năm 2015 và Hoàng Bảo L - sinh ngày 07 tháng 11 năm 2016 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

\* Về quan hệ chia tài sản: Bà P xác định bà và ông B có tài sản chung và nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Mai Thị Ái P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005378 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hoà Khánh Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**